

CHÍNH PHỦ
Số: 25/2000/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về quản lý hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này áp dụng đối với:

- Hoạt động bay dân dụng của tàu bay Việt Nam, tàu bay nước ngoài trong lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Hoạt động bay dân dụng của tàu bay Việt Nam, tàu bay nước ngoài tại các vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;
- Hoạt động bay khác được quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Mọi hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam được thực hiện trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc chủ quyền hoàn toàn và riêng biệt đối với vùng trời trên lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chỉ được tiến hành khi có phép bay do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Điều 3. Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Hoạt động bay dân dụng*" là các chuyến bay đến, bay đi, bay qua và bay trong lãnh thổ Việt Nam, bao gồm:
- a) Các chuyến bay của tàu bay dân dụng;
 - b) Các chuyến bay của tàu bay công vụ nhằm mục đích dân dụng hoặc hoạt động trong khu vực kiểm soát của hàng không dân dụng;
 - c) Các chuyến bay chuyên cơ.
2. "*Tàu bay*" bao gồm máy bay, tàu lượn, khí cầu và những thiết bị bay tương tự khác có thể được nâng giữ, di chuyển trong khí quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí;
3. "*Tàu bay dân dụng*" là tàu bay chuyên dùng cho mục đích dân dụng, bao gồm vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hoá, bưu kiện, bưu phẩm; phục vụ các hoạt động kinh tế, nghiên cứu khoa học; hoạt động văn hoá - xã hội, thể thao, y tế, tìm kiếm - cứu nguy và các hoạt động dân dụng khác;
4. "*Tàu bay công vụ*" là tàu bay của lực lượng vũ trang, hải quân và các cơ quan nhà nước khác chuyên dùng cho mục đích công vụ;
5. "*Khu vực kiểm soát của hàng không dân dụng*" bao gồm các đường hàng không quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các khu vực khác được quy định tại Quy chế bay của các sân bay;
6. "*Chuyến bay quốc tế*" là chuyến bay qua lãnh thổ của hai hoặc nhiều quốc gia, bao gồm chuyến bay thường lệ và chuyến bay không thường lệ. Chuyến bay thường lệ là chuyến bay thương mại phục vụ dịch vụ công cộng thực hiện theo lịch bay công bố hoặc điều đặn mang tính hệ thống. Chuyến bay không thường lệ không phải là chuyến bay thường lệ;
7. "*Chuyến bay quân sự*" là chuyến bay do tàu bay công vụ hoặc tàu bay dân dụng thực hiện nhằm mục đích quân sự hoặc có tính chất quân sự;
8. "*Chuyến bay chuyên cơ*" là chuyến bay của Việt Nam hoặc nước ngoài được sử dụng hoàn toàn riêng biệt hoặc kết hợp vận chuyển thương mại và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc thông báo theo quy định phục vụ chuyên cơ;
9. "*Tình thế cấp thiết*" là tình thế khi tàu bay đang bay có hỏng hóc kỹ thuật, gặp điều kiện thời tiết xấu, an toàn, an ninh của chuyến bay bị uy hiếp tới mức độ phải thay đổi một phần kế hoạch bay để bảo đảm an toàn cho chuyến bay;
10. "*Phép bay*" là văn bản hoặc hiệu lệnh do cơ quan có thẩm quyền cấp, cho phép tàu bay hoạt động bay, bao gồm các điều kiện và giới hạn của hoạt động bay được phép.

Chương II

CẤP VÀ QUẢN LÝ PHÉP BAY

Điều 4.

1. Bộ Ngoại giao cấp phép bay cho các chuyến bay chuyên cơ nước ngoài chở khách mời của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các chuyến bay làm nhiệm vụ hộ tống hoặc tiền trạm cho các chuyến bay chuyên cơ đó thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam.
2. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo cho Bộ Quốc phòng và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam phép bay đã cấp để đảm bảo phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý thực hiện phép bay.

Điều 5.

1. Bộ Quốc phòng cấp phép bay cho các chuyến bay quân sự của Việt Nam hoặc nước ngoài thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam.
2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm thông báo cho Cục Hàng không dân dụng Việt Nam phép bay đã cấp để triển khai, phối hợp quản lý và điều hành chuyến bay.

Điều 6.

1. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam sau đây:
 - a) Chuyến bay của tàu bay dân dụng Việt Nam và nước ngoài nhằm mục đích dân dụng;
 - b) Chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam; chuyến bay hộ tống hoặc tiền trạm cho các chuyến bay chuyên cơ đó;
 - c) Chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài không thuộc phạm vi quy định tại Điều 4 của Nghị định này; chuyến bay hộ tống hoặc tiền trạm cho các chuyến bay chuyên cơ đó;
 - d) Chuyến bay của tàu bay công vụ Việt Nam và nước ngoài không thuộc phạm vi quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị định này.
2. Cục Hàng không dân dụng Việt Nam có trách nhiệm triển khai phép bay đã cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này, Điều 4 và Điều 5 của Nghị định này đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để quản lý, điều hành chuyến bay; giám sát và kiểm tra việc thực hiện phép bay.

Điều 7.

1. Căn cứ vào tính chất hoạt động, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam quy định các loại chuyến bay tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Nghị định này, thủ tục, trình tự triển khai phép bay đã được cấp.
2. Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam có thể ủy quyền cho các đơn vị trực thuộc cấp phép khi tình thế cấp thiết đòi hỏi phải có sự can thiệp tức thời hoặc cung cấp dịch vụ điều hành bay nhanh chóng.

3.Cục Hàng không dân dụng Việt Nam quy định thủ tục nhận thông báo và quản lý,kiểm soát, điều hành các chuyến bay qua vùng thông báo bay do Tổ chức Hàngkhông dân dụng quốc tế (ICAO) giao cho Việt Nam quản lý.

Điều 8.

1.Các chuyến bay sau đây chỉ được cấp phép sau khi có sự đồng ý của Bộ Quốcphòng:

- a)Chuyến bay của tàu bay dân dụng, tàu bay công vụ nhằm mục đích dân dụng hoặc hoạt động trong khu vực kiểm soát của hàng không dân dụng hạ cánh, cất cánh tạicảng hàng không, sân bay không phải là cảng hàng không, sân bay dân dụng;
- b)Chuyến bay chở hàng hoá đặc biệt;
- c)Chuyến bay luyện tập, thao diễn;
- d)Chuyến bay tiến hành tại khu vực hạn chế và vùng cấm bay, vùng nguy hiểm;
- đ)Chuyến bay quay phim, chụp ảnh;
- e)Chuyến bay bằng trực thăng;
- g)Chuyến bay thấp;
- h)Chuyến bay thực hiện ngoài đường hàng không;
- i)Chuyến bay của tàu bay công vụ nước ngoài;
- k)Chuyến bay y tế của nước ngoài;
- l)Chuyến bay dân dụng quốc tế có hạ cánh, cất cánh tại cảng hàng không, sân baydân dụng nội địa.

2.Các chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài có hạ cánh, cất cánh tại cảng hàngkhông, sân bay dân dụng nội địa chỉ được cấp phép sau khi có sự đồng ý của BộQuốc phòng và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 9.

1.Việc cấp phép bay cho các chuyến bay quốc tế thường lệ phải trên cơ sở và phù hợp với các điều kiện của hiệp định, thoả thuận hàng không mà Việt Nam ký kếtvới nước ngoài liên quan và các quy định pháp luật của Việt Nam.

2.Việc cấp phép cho các chuyến bay quốc tế không thường lệ phải xem xét các yếu tố thương mại, an toàn hàng không, an ninh, quốc phòng và các quy định pháp luật liên quan của Việt Nam.

3.Việc cấp phép bay cho các chuyến bay phải trên cơ sở khả năng đáp ứng của cảng hàng không, sân bay.

Điều 10.

1.Cơ quan cấp phép bay có thể sửa đổi hoặc hủy bỏ phép bay vì các lý do sau đây:

- a)An ninh, quốc phòng;
- b)An toàn của chuyến bay;